

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/DS-ST
Ngày 08/9/2020
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và ông Nguyễn Như Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tăng Thị Y, địa chỉ: Số X, đường L, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Bùi Thị S, địa chỉ: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tăng Thị Y trình bày:

Bà Tăng Thị Y có 02 lần cho bà Bùi Thị S vay tiền, cụ thể:

Ngày 05/6/2019, bà Y có cho bà S vay số tiền 17.250.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng.

Ngày 25/6/2019, bà Y có cho bà S vay số tiền 20.128.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng.

Chứng cứ chứng minh là 01 giấy vay tiền có thể hiện nội dung của cả hai lần vay, có chữ ký của bà Bùi Thị S.

Thời hạn cho vay đến tháng 11, khi bà S thu hoạch cà phê sẽ trả. Tuy nhiên, khi đến hạn, bà Y nhiều lần đến đòi nợ nhưng bà S đã bán hết cà phê, không có trả

nợ cho bà Y. Chứng cứ chứng minh là văn bản xác nhận của chính quyền địa phương về việc đến nhà bà S để yêu cầu trả tiền.

Bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả số tiền nợ gốc là 37.378.000đ và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 25/6/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Bùi Thị S vắng mặt, không có cung cấp ý kiến phản đối, tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Kết quả xác minh của Tòa án: Bà Bùi Thị S có chồng là Lê Văn Giã, có nơi cư trú tại thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai, vắng mặt tại nơi cư trú từ cuối năm 2019 âm lịch (tháng 01/2020 dương lịch). Hiện tại địa phương có nhà, đất đai của bà S và thỉnh thoảng có chị chồng của bà S đến sử dụng.

4. Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đảm bảo, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn là bà Bùi Thị S có địa chỉ nơi cư trú đúng với địa chỉ mà nguyên đơn đã ghi trong đơn khởi kiện, phù hợp với thông tin “S Giã” thể hiện trên giấy vay tiền về cách thường gọi tên người vợ gắn với tên người chồng là Lê Văn Giã. Khi Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn và cơ quan có thẩm quyền biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là cố tình che giấu địa chỉ. Đồng thời, theo kết quả xác minh thì bị đơn vẫn đang có tài sản là nhà, đất và hiện do người có quan hệ gia đình sử dụng. Do đó, Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tiến hành phương thức tổng đạt niêm yết đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo và những văn bản tố tụng tại nơi cư trú mà nguyên đơn cung cấp cho bị đơn đảm bảo cho việc tiếp nhận thông tin theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 01 giấy vay tiền có thể hiện nội dung của cả hai lần vay, thể hiện người vay là “S Giã”, chữ ký của ghi tên bà Bùi Thị S, trong đó thể hiện số tiền vay ngày 05/6/2019 là 17.250.000đ, ngày 25/6/2019 là 20.128.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng (Bút lục 37). Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo đơn khởi kiện cùng tài liệu,

chứng cứ kèm theo nhưng không có ý kiến phản đối nên có căn cứ xác định chứng cứ này là đúng sự thật.

[4] Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay tiền có thỏa thuận trả lãi, không xác định thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn đã đến nơi cư trú của bị đơn nhưng không thực hiện việc đòi lại tài sản vì lý do bị đơn vắng mặt (bút lục 36). Đây được xem là việc bên cho vay đã đòi lại tài sản và thông báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý về việc trả nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự và được xác định là khoản vay đã đến hạn trả nợ. Do đó, nguyên đơn có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ.

[5] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn đã thỏa thuận. Căn cứ quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự thì bên vay tài sản phải trả đủ tiền khi đến hạn và phải trả lãi. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc là 37.378.000đ.

[7] Các bên thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng (tương đương 36%/năm) là vượt mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng (tương đương 18%/năm) là phù hợp với quy định của pháp luật, trong giới hạn các bên đã thỏa thuận nên được chấp nhận.

[8] Bị đơn phải trả số tiền lãi với mức lãi suất 18%/năm của số tiền 37.378.000đ tính từ ngày 26/6/2019 cho đến hết ngày xét xử là 8.128.947đ.

[9] Tổng cộng bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là 45.506.947đ. Đồng thời, kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu (dưới mức các bên đã thỏa thuận) là 18%/năm.

[10] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

- Áp dụng các Điều 357, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tăng Thị Y.

Buộc bà Bùi Thị S trả cho bà Tăng Thị Y số tiền 45.506.947đ (bốn mươi lăm triệu năm trăm lẻ sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Bùi Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 18%/năm.

2. Về án phí:

2.1. Bà Bùi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.275.347đ (hai triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng).

2.2. Trả lại cho bà Tăng Thị Y số tiền 1.059.450đ (một triệu không trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005936 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ia Grai;
- Chi cục THADS huyện Ia Grai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy

